

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



1996
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ HỒNG VÂN

**BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO HÀNG HÓA
KHÔNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GÂY RA
CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG THEO
PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

CHUYÊN NGÀNH: LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ
MÃ SỐ: 9380103

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. TS NGUYỄN THANH TÚ
2. PGS.TS LÊ MINH HÙNG

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2023

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. TS Nguyễn Thanh Tú**
- 2. PGS.TS Lê Minh Hùng**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận án cấp Trường họp tại phòng..... Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Số 2 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, vào hồi..... giờ....., ngày..... tháng..... năm.....

Có thể tìm hiểu Luận án tại Thư viện Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Số 2 Nguyễn Tất Thành, Quận 4 hoặc Thư viện Khoa học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung
BVQLNTD	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
BLDS	Bộ luật Dân sự
BTTH	Bồi thường thiệt hại
CLHH	Chất lượng hàng hóa
CLSPHH	Chất lượng sản phẩm, hàng hóa
ĐKPS	Điều kiện phát sinh
HHCKT	Hàng hóa có khuyết tật
HHKBĐCL	Hàng hóa không bảo đảm chất lượng
NBH	Người bán hàng
NTD	Người tiêu dùng
NSX	Nhà sản xuất
TCXH	Tổ chức xã hội
SXKD	Sản xuất, kinh doanh
TNDS	Trách nhiệm dân sự
TNNN	Trách nhiệm nghiêm ngặt
TNSP	Trách nhiệm sản phẩm
VBPL	Văn bản pháp luật

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của Đề tài

Ngày nay, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nền kinh tế Việt Nam đang đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức, trong đó, việc nâng cao CLSPHH là một trong những yêu cầu cấp thiết để đảm bảo năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, bên cạnh những nhà SXKD không ngừng nỗ lực đầu tư cho CLSPHH nhằm đáp ứng nhu cầu của NTD, không ít nhà SXKD chỉ vì mục tiêu lợi nhuận mà không quan tâm đến vấn đề chất lượng. Điều này làm cho nhiều sản phẩm, HHKBĐCL tồn tại trên thị trường và gây nên những thiệt hại cho NTD, thậm chí ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của NTD. Trong các trường hợp đó, NTD bị thiệt hại không chỉ mong muốn nhà SXKD vi phạm phải bị xử phạt mà còn có nhu cầu được xin lỗi, giải thích nguyên nhân, thu hồi sản phẩm, hàng hóa vi phạm và đặc biệt là BTTH.

Về mặt lý luận, một số vấn đề lý luận liên quan đến trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD còn bỏ ngỏ, chưa rõ ràng và thống nhất.

Về mặt quy định của pháp luật, việc BTTH do vi phạm quyền lợi NTD ở Việt Nam đã được thể hiện trong các VBPL dân sự. Trước năm 2010, Việt Nam có Pháp lệnh BVQLNTD năm 1999; Pháp lệnh về CLHH năm 1990 và năm 1999; Luật CLSPHH năm 2007; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, BLDS năm 1995, sau đó là BLDS năm 2005 và những quy định khác tồn tại rải rác trong nhiều VBPL khác nhau. Từ năm 2010 đến nay, NTD được bảo vệ bằng các VBPL sau: Luật BVQLNTD năm 2010, Luật An toàn thực phẩm năm 2010, Luật CLSPHH năm 2007, BLDS năm 2005 (sau đó là BLDS năm 2015)... Tuy nhiên, do có nhiều VBPL khác nhau nên một số quy định còn chồng chéo, mâu thuẫn, đồng thời, một số quy định còn chưa rõ ràng, cụ thể dẫn đến những khó khăn nhất định trong thực tiễn áp dụng. Những bất cập trên làm cho việc BVQLNTD bị thiệt hại do HHKBĐCL chưa đạt được hiệu quả.

Về mặt thực tiễn áp dụng pháp luật, khi phát hiện HHKBĐCL, theo quy định của pháp luật, tùy vào từng trường hợp, nhà SXKD có thể bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời, nếu gây thiệt hại cho NTD thì phải chịu trách nhiệm bồi thường. Tuy nhiên, thực tiễn xử lý trường hợp SXKD HHKBĐCL gây thiệt hại cho NTD còn nhiều khó khăn, vướng mắc.

Ngoài ra, Luật BVQLNTD (sửa đổi) đã được Quốc hội khóa XV thông qua vào tháng 06 năm 2023, có hiệu lực từ ngày 01/07/2024. Tuy nhiên, một số vấn đề liên quan như so sánh, phân tích trong Luận án vẫn chưa được giải quyết đầy đủ, toàn diện cả từ góc độ hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả, chất lượng thi hành pháp luật. Điều này có thể dẫn đến nhiều vướng mắc nêu trên sẽ chưa được giải quyết triệt để.

Từ những lý do nêu trên, với mong muốn bảo vệ tốt hơn quyền lợi của NTD bị thiệt hại do HHKBĐCL gây ra, tác giả đã lựa chọn Đề tài "**Bồi thường thiệt hại do hàng**

hóa không bảo đảm chất lượng gây ra cho người tiêu dùng theo pháp luật Việt Nam” để nghiên cứu.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án có đối tượng nghiên cứu chính là trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD với các vấn đề chung về trách nhiệm này, các ĐKPS trách nhiệm bồi thường, yếu tố lỗi, xác định thiệt hại được bồi thường, một số trường hợp đặc biệt của trách nhiệm BTTH và chủ thể trong quan hệ bồi thường. Đồng thời, Luận án cũng nghiên cứu về thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về những nội dung trên.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Về mặt nội dung, với Đề tài này, Luận án tập trung nghiên cứu việc BTTH cho NTD do HHKBĐCL gây ra trên cơ sở các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật chủ yếu là tại Tòa án, có sự so sánh với pháp luật của một số nước khác, tập trung nghiên cứu Đề tài dưới góc độ là trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng giữa nhà SXKD và NTD mà không đi sâu phân tích các quy định về hợp đồng giữa các chủ thể này. Đồng thời, Luận án tập trung trong hai lĩnh vực pháp luật đó là quy định chung của pháp luật dân sự (BLDS và văn bản hướng dẫn) và quy định chuyên biệt của pháp luật BVQLNTD (Luật BVQLNTD, Luật CLSPHH...).

Về mặt không gian, Luận án chủ yếu nghiên cứu quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật ở Việt Nam, có so sánh với quy định pháp luật và thực tiễn ở một số nước khác như pháp luật của Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ, Pháp, Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan... nhằm rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Về mặt thời gian, Luận án tập trung vào nghiên cứu trách nhiệm BTTH cho NTD do HHKBĐCL gây ra theo các quy định đang có hiệu lực hiện hành như BLDS năm 2015, Luật BVQLNTD năm 2010 (có so sánh, cập nhật với Luật BVQLNTD năm 2023, có hiệu lực từ ngày 01/07/2024), Luật CLSPHH năm 2007 và một số VBPL khác có liên quan.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của Luận án là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật cũng như áp dụng pháp luật về trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD, làm rõ bản chất pháp lý của trách nhiệm này để áp dụng hiệu quả hơn trong thực tiễn, đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện về cơ sở lý luận và quy định của pháp luật có liên quan, đưa ra các kiến nghị hướng đến các quy định của pháp luật về trách nhiệm này được áp dụng thống nhất, hiệu quả hơn trong thực tiễn để bảo vệ tốt hơn quyền lợi của NTD.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án có nhiệm vụ giải quyết một số vấn đề sau đây:

- Nghiên cứu, hệ thống hóa và phân tích các công trình trong và ngoài nước về Đề

tài, rút ra những nội dung đã đạt được và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, xác định cơ sở lý thuyết và các phương pháp nghiên cứu Đề tài.

- Làm sáng tỏ cơ sở lý luận của Đề tài như khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD trên cơ sở quy định pháp luật Việt Nam và nước ngoài; từ đó rút ra những đánh giá, nhận xét, kiến nghị phù hợp.

- Nghiên cứu và phân tích quy định pháp luật về các ĐKPS trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD và yếu tố lỗi, thực tiễn áp dụng, so sánh với pháp luật nước ngoài để rút ra những đề xuất hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.

- Phân tích quy định về xác định thiệt hại được bồi thường, một số trường hợp đặc biệt của trách nhiệm BTTH cho NTD, so sánh với pháp luật và thực tiễn ở nước ngoài để rút ra những nhận xét, kiến nghị có giá trị tham khảo cho Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá về các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về chủ thể trong quan hệ bồi thường, so sánh với pháp luật nước ngoài và đưa ra những đề xuất phù hợp, góp phần bảo vệ quyền lợi của bên bị thiệt hại một cách tốt hơn.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận án

Về mặt lý luận, kết quả nghiên cứu của Luận án sẽ góp phần hoàn thiện một cách có hệ thống cơ sở lý luận về trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD. Trên cơ sở các lý thuyết khoa học, quan điểm khoa học, quy định pháp luật trong nước và nước ngoài, thực tiễn áp dụng pháp luật... những phân tích, đánh giá và kiến nghị của Luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện về cơ sở khoa học của Đề tài, góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật về Đề tài, qua đó, giúp bảo vệ tốt hơn quyền lợi của NTD.

Về mặt thực tiễn, trên cơ sở phân tích, tổng hợp về pháp luật Việt Nam và nước ngoài, đặt trong thực tiễn áp dụng tại Việt Nam và nước ngoài, Luận án góp phần tăng cường hiệu quả thực thi các quy định pháp luật về BTTH cho NTD trong thực tiễn và sẽ là tài liệu hữu ích giúp cho các nhà lập pháp, những chủ thể áp dụng pháp luật, những nhà nghiên cứu, sinh viên... có thể sử dụng tham khảo cho hoạt động của mình, có nhận thức cao hơn về quyền được bồi thường của mình với tư cách là NTD và có thể vận dụng để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể có liên quan tốt hơn.

5. Dự kiến những đóng góp mới của Luận án

Thứ nhất, Luận án có những đóng góp mới như: phân tích và làm rõ các khái niệm HHKBĐCL, HHCKT... và nêu ra được cách hiểu về HHKBĐCL, BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD; nêu và phân tích những đặc điểm của trách nhiệm này từ lý luận đến thực tiễn và có những lý giải trên cơ sở so sánh giữa các quy định của pháp luật Việt Nam với nhau và với pháp luật nước ngoài, đặc biệt là trách nhiệm phát sinh không cần yếu tố lỗi (TNNN); phân tích và chỉ ra những điểm đặc trưng trong việc áp dụng các nguyên tắc miễn, giảm trách nhiệm BTTH cho NTD so với các loại trách nhiệm BTTH nói chung, đưa ra những đề xuất khắc phục bất cập trong quy định hiện nay.

Thứ hai, Luận án đưa ra một số đề xuất mới liên quan đến quy định về thiệt hại được bồi thường trong Luật CLSPHH (Điều 60); ghi nhận rõ thiệt hại về tài sản (không gồm chính HHCKT) trong Luật BVQLNTD; làm rõ cách hiểu khi có yêu cầu BTTH về chính HHKBĐCL thì giải quyết theo hướng BTTH trong hợp đồng còn với thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản (khác với HHKBĐCL)... thì áp dụng quy định về trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng; đề xuất quy định riêng trong Điều 608 BLDS về ĐKPS trách nhiệm BTTH; kiến nghị sửa tiêu đề Điều 608 BLDS năm 2015; đề xuất cách hiểu về lỗi, tiếp tục duy trì quy định về trách nhiệm bồi thường không cần lỗi (TNNN) và sửa đổi, bổ sung các quy định khác cho thống nhất.

Thứ ba, Luận án đưa ra một số kiến nghị mới như: đề xuất bổ sung, hướng dẫn về trường hợp BTTH về tinh thần khi tài sản của NTD bị thiệt hại “nghiêm trọng”; chấp nhận BTTH về sức khỏe của NTD chắc chắn xảy ra trong tương lai dựa trên những tính toán khoa học; chấp nhận BTTH về tinh thần cho NTD bị thiệt hại mà không kèm với thiệt hại về thể chất (tính mạng, sức khỏe); đề xuất xây dựng tiêu chí để xác định mức bồi thường tổn thất về tinh thần; đề xuất hướng dẫn đối với quy định về BTTH vì lợi ích công cộng về khái niệm, điều kiện áp dụng, mức bồi thường; kiến nghị bổ sung quy định về BTTH mang tính “trùng phạt” và hướng dẫn rõ về điều kiện áp dụng cũng như mức bồi thường...

Thứ tư, Luận án đề xuất hướng quy định về các loại chủ thể có trách nhiệm BTTH, thứ tự chủ thể bồi thường, vấn đề liên đới chịu trách nhiệm bồi thường...; đề xuất định nghĩa NTD vẫn bao gồm tổ chức nhưng tách ra quy định riêng cho phù hợp hơn, tránh nhầm lẫn; đề xuất bổ sung án lệ hoặc hướng dẫn về “người khác có liên quan” bị thiệt hại như người xung quanh hay ngoài cuộc cũng có thể được yêu cầu bồi thường; đề xuất giải pháp phát huy vai trò của TCXH trong việc khởi kiện tập thể để BVQLNTD...

Cuối cùng, bên cạnh những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, Luận án còn đưa ra một số kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật tại Tòa án.

6. Kết cấu của Luận án

Kết cấu của Luận án gồm 05 chương (ngoài phần mở đầu và kết luận) như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Chương 2. Những vấn đề cơ bản về bồi thường thiệt hại do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra cho người tiêu dùng

Chương 3. Điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra cho người tiêu dùng

Chương 4. Xác định thiệt hại được bồi thường và trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp đặc biệt

Chương 5. Chủ thể trong quan hệ bồi thường thiệt hại do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu Đề tài

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu về những vấn đề cơ bản

Ở khía cạnh những vấn đề cơ bản có các công trình nghiên cứu từ luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, sách chuyên khảo, giáo trình, bài viết... cụ thể như sau: (1) Luận án *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sản phẩm có khuyết tật gây ra – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn thực hiện pháp luật ở Việt Nam* vào năm 2015 của tác giả Nguyễn Minh Thư; (2) Luận văn thạc sĩ luật học *Trách nhiệm đối với hàng hóa khuyết tật theo pháp luật Việt Nam và Cộng hòa Pháp* vào năm 2018 của tác giả Nguyễn Thanh Tú (Trường Đại học Cần Thơ); (3) Luận văn thạc sĩ luật học *Bồi thường thiệt hại do hàng hóa kém chất lượng gây ra* vào năm 2017 của tác giả Mai Nhựt Đông (Trường Đại học Luật TPHCM); (4) Luận văn thạc sĩ luật học *Những vấn đề pháp lý về trách nhiệm sản phẩm theo bản chỉ thị của Cộng đồng Kinh tế Châu Âu (EEC) và pháp luật Việt Nam* vào năm 2004 của tác giả Vũ Duy Cương (Trường Đại học Luật TPHCM – Trường Đại học Lund); (5) Về sách chuyên khảo, có cuốn *Chế định trách nhiệm sản phẩm trong pháp luật Việt Nam* của tác giả Lê Hồng Hạnh (chủ biên) do NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2013; (6) Sách chuyên khảo *Luật Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tập 2* (tr. 519 – 554) của tác giả Đỗ Văn Đại do NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam xuất bản năm 2022; (7) Sách chuyên khảo *Về trường phái kinh tế học pháp luật* (tr. 96 – tr. 117) của nhóm tác giả Dương Thị Thanh Mai và Nguyễn Văn Cương (đồng chủ biên) do NXB Chính trị quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2012; (8) Sách chuyên khảo *Pháp luật dân sự và thực tiễn xét xử* (tr. 441 – 461) của tác giả Tường Duy Lượng do NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật Hà Nội xuất bản năm 2018; (9) Sách chuyên khảo *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng* của tác giả Phùng Trung Tập do NXB Công an nhân dân Hà Nội xuất bản năm 2017; (10) Về giáo trình, có cuốn *Giáo trình Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng* của nhóm tác giả Nguyễn Thị Vân Anh và Nguyễn Văn Cương (đồng chủ biên) do NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2012; (11) Về sách bình luận khoa học, có cuốn *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015* của nhóm tác giả Nguyễn Văn Cừ và Trần Thị Huệ (đồng chủ biên) do NXB Công an nhân dân Hà Nội xuất bản năm 2017; (12) Sách *Bình luận khoa học Những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015* của tác giả Đỗ Văn Đại (chủ biên) do NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam xuất bản năm 2020; (13) Về bài viết trên tạp chí, có bài viết “Trách nhiệm nghiêm ngặt và miễn, giảm trách nhiệm trong pháp luật về trách nhiệm sản phẩm” của tác giả Phạm Thị Phương Anh đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*,

Số 10 (171), tr. 26 – 33, năm 2010; (14) Bài viết “Bồi thường thiệt hại trong pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng” của tác giả Nguyễn Trọng Điệp đăng trên *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, tập 29, số 2, tr. 44 – 49, năm 2013; (15) Bài viết “Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do thực phẩm không an toàn gây ra theo quy định của pháp luật” của tác giả Ngô Huy Cương đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 12 (364), tháng 06/2018; (16) Bài viết “Lí luận về chế định trách nhiệm sản phẩm trong pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng” của nhóm tác giả Khuất Quang Phát và Ngô Thu Trang đăng trên *Tạp chí Luật học*, số 8 (195), tr. 68 – 76, năm 2016; (17) Bài viết “Kinh nghiệm xây dựng pháp luật về trách nhiệm sản phẩm của một số nước ASEAN” của nhóm tác giả Trần Thị Quang Hồng và Trương Hồng Quang đăng trên *Tạp chí Luật học*, số 7 (122), tr. 46 – 54, năm 2010...

1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu về điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường

Liên quan đến các ĐKPS trách nhiệm BTTH có thể kể đến các công trình như luận văn thạc sĩ, bài viết... sau đây: (1) Luận văn thạc sĩ luật học *Cơ sở phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sản phẩm có khuyết tật - nghiên cứu so sánh luật Việt Nam và luật Anh* vào năm 2009 của tác giả Phạm Thị Phương Anh (Trường Đại học Luật TPHCM); (2) Luận văn thạc sĩ luật học *Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền lợi của người tiêu dùng* vào năm 2018 của tác giả Nguyễn Thị Mai (Trường Đại học Luật TPHCM); (3) Luận văn thạc sĩ luật học *Trách nhiệm BTTH do hàng hóa có khuyết tật gây ra cho người tiêu dùng theo pháp luật Việt Nam* vào năm 2014 của tác giả Trần Tuyết Minh (Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội); (4) Về bài viết, có bài viết “Khái niệm lỗi trong trách nhiệm dân sự” của tác giả Phạm Kim Anh đăng trên *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 3, năm 2003; (5) Bài viết “Lỗi, căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” của tác giả Đỗ Văn Đại đăng trên *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 02 (57), tr. 49 – 54, năm 2010...

1.1.1.3. Các công trình nghiên cứu về việc xác định thiệt hại được bồi thường và trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp đặc biệt

Với nội dung này trong trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra, rất ít công trình nghiên cứu chi tiết mà chỉ đề cập khái quát trong một số tài liệu đã nêu ở những phần trên, ngoài ra còn có các tài liệu sau: (1) Bài viết “Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng yếu thế trong pháp luật Việt Nam và Đài Loan” của nhóm tác giả Nguyễn Trọng Điệp và Nguyễn Tiến Đạt đăng trên *VNU Journal of Science: Legal Studies*, Vol. 35, No. 2, tr. 23 – 30, năm 2019; (2) Bài viết “Pháp luật thế giới về phạm vi bồi thường thiệt hại do sản phẩm có khuyết tật gây ra và bài học cho Việt Nam” của tác giả Nguyễn Tiến Hùng đăng trên *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 4 (325), tr. 55 – 60, năm 2019; (3) Bài viết “Chế tài bồi thường thiệt hại mang tính trừng phạt theo pháp luật Hoa Kỳ” của tác giả Nguyễn Chí Thắng đăng trên *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 4 (384), tr. 51 – 56, năm 2020...

1.1.1.4. Các công trình nghiên cứu về chủ thể trong quan hệ bồi thường

Đối với chủ thể trong quan hệ bồi thường, ít có công trình nghiên cứu cụ thể mà chủ yếu đề cập chung trong các tài liệu ở phần những vấn đề cơ bản, ngoài ra, một số công trình có liên quan như sau: (1) Luận án *Trách nhiệm dân sự liên đới bồi thường thiệt hại trong pháp luật dân sự Việt Nam* vào năm 2008 của tác giả Phạm Kim Anh (Trường Đại học Luật Hà Nội); (2) Sách chuyên khảo *Vai trò của Hội Bảo vệ người tiêu dùng trong việc bảo vệ người tiêu dùng* của tác giả Nguyễn Thị Vân Anh (chủ biên) do NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2012; (3) Bài viết “Hợp đồng mẫu, điều kiện giao dịch chung – nhìn từ góc độ bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng” của tác giả Lê Minh Hùng đăng trên *Kỷ yếu Hội thảo Khoa Luật Dân sự - Trường Đại học Luật TP. HCM*, tổ chức ngày 15/6/2013, tr. 28 – 65, năm 2013; (4) Bài viết “Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo pháp luật Trung Quốc – Một số kinh nghiệm cho Việt Nam” của tác giả Đặng Thị Vũ Hương đăng trên *Tạp chí Pháp luật và thực tiễn*, số 02/2017, tr. 76 – 81, năm 2017...

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu về những vấn đề cơ bản

Ở góc độ lý luận chung, có các công trình sau: (1) Sách chuyên khảo *Law of tort (tenth edition)* (tr. 9 - 11, tr. 267 – 283) của tác giả John Cooke do Pearson Education Limited, England xuất bản năm 2011; (2) Sách *Consumer protection law (second edition)* của nhóm tác giả Geraint Howells và Stephen Weatheril do Routledge Publishing, New York xuất bản năm 2017; (3) Bài viết “Forms of Liability in the Law of Delict: Fault-Based Liability and Liability Without Fault” của tác giả Janno Lahe đăng trên *Juridica International*, (10), tr. 60 – 70, năm 2005; (4) Bài viết “Economic Analysis of Law: The Effectiveness of the Legal System to Protect and Compensate Consumers for Damages” của tác giả Hector Valverde Santana đăng trên *Braz. J. Pub. Pol'y*, (4), tr. 225 – 237, năm 2014...

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu về điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường

Liên quan đến các ĐKPS trách nhiệm BTTH có thể kể đến các công trình sau: (1) Sách chuyên khảo *Tort Law (seventh edition)* của nhóm tác giả Catherine Elliott và Frances Quinn do Pearson Education Limited, England xuất bản năm 2009; (2) Bài viết “Product Liability” của nhóm tác giả Franklin P. Brannen Jr., P. Michael Freed, Kristen S. Cawley và Marcus Strong đăng trên *Mercer Law Review*, 69 (1), tr. 231 – 250; (3) Bài viết “The Strict Liability in Fault and the Fault in Strict Liability” của nhóm tác giả John C. P. Goldberg và Benjamin C. Zipursky đăng trên *Fordham Law Review*, 85 (2), tr. 743 – 788, năm 2016; (4) Bài viết “Product Liability in Europe and China” của nhóm tác giả Vera Lucia Raposo và Wei Wang Morbey đăng trên *China Legal Science*, 3 (4), tr. 62 – 81, năm 2015; (5) Bài viết “Modern Theories of Product Warnings and European Product Liability Law” của tác giả Thomas Verheyen đăng trên *Utrecht Law Review*, Utrecht University School of Law, 15 (3), tr. 44 – 56, năm 2019...

1.1.2.3. Các công trình nghiên cứu về việc xác định thiệt hại được bồi thường và trách

nhiệm bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp đặc biệt

Về việc xác định thiệt hại và một số trường hợp đặc biệt, có thể kể đến các công trình sau: (1) Sách chuyên khảo *The measure of injury: race, gender and tort law* của nhóm tác giả Martha Chamallas và Jennifer B. Wriggins do New York University Press, New York and London xuất bản năm 2010; (2) Bài viết “Product Liability in Latin America” của nhóm tác giả Leandro M. Castelli, Maria Helena Ortiz Bragaglia, Cristobal Jimeno, Lina Mendez và Domingo Rivarola Reisz đăng trên *Defense Counsel Journal*, 85 (3), tr. 1 – 22; (3) Bài viết “Strategies For Dealing With the Risk of Punitive Damages” của nhóm tác giả Harvey L. Kaplan và Angela M. Seaton đăng trên *The International Comparative Legal Guide to: Product Liability 2009, Global Legal Group Ltd, London*, tr. 6 – 15, năm 2009; (4) Bài viết “Emotional Distress in Products Liability: Distinguishing Users from Bystanders” của nhóm tác giả Linda Trummer và Napolitano đăng trên *Fordham L. Rev.*, (50), tr. 291 - 312, năm 1981...

1.1.2.4. Các công trình nghiên cứu về chủ thể trong quan hệ bồi thường

Một số công trình ở trên đều có đề cập rải rác và ít có công trình chỉ phân tích về riêng nội dung này, do đó, về chủ thể có thể kể đến: (1) Bài viết “Dangerous Products and Injured Bystanders” của tác giả Robert F. Cochran Jr. đăng trên *Kentucky Law Journal*, Vol. 81, Iss. 3, Article 5, tr. 688 – 725, năm 1993; (2) Bài viết “Compensation for bystander injuries in strict products liability: Why It is important to afford bystanders with more protection than consumers or users of products” của nhóm tác giả Richard J. Hunter Jr., John H. Shannon và Henry J. Amoroso đăng trên *Advances in Social Sciences Research Journal*, Vol.3, No.10, tr. 1 – 11, năm 2016; (3) Bài viết “The Korean Product Liability Act” của tác giả Chan Jin Kim đăng trên *Korean Journal of International and Comparative Law*, (33), tr. 47 – 114, năm 2005; (4) Bài viết “Analysing the Notion of ‘Consumer’ in China’s Consumer Protection Law” của tác giả Kristie Thomas đăng trên *The Chinese Journal of Comparative Law*, Vol. 6, No. 2, tr. 294 – 318, năm 2018...

1.1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu Đề tài

1.1.3.1. Những kết quả đạt được của hoạt động nghiên cứu

Nhìn chung, qua việc tìm hiểu về các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước như trên, tác giả cho rằng BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD là đề tài không mới đối với thế giới cũng như Việt Nam. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu một cách tổng thể trên thế giới cũng không nhiều mặc dù xuất hiện từ rất sớm và các công trình nghiên cứu tại Việt Nam thì khá ít và chủ yếu là những công trình mang tính chất chung về quan hệ tiêu dùng, pháp luật BVQLNTD nói chung. Đồng thời, chỉ có một số công trình tập trung nghiên cứu về các vấn đề pháp lý và thực tiễn liên quan đến Đề tài, đặc biệt là thực tiễn giải quyết tranh chấp về bồi thường cho NTD tại Tòa án trong thời gian gần đây. Kết quả đạt được của những công trình trong và ngoài nước nhìn chung là đã chỉ ra được những mâu thuẫn, chồng chéo trong quy định của pháp luật dân sự về trách

nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD, phản ánh một phần thực tiễn áp dụng pháp luật còn vướng mắc, chưa thống nhất và đưa ra một số đề xuất chủ yếu là về cách hiểu khái niệm HHKBĐCL, HHCKT, TNSP, yếu tố lỗi...; kiến nghị khắc phục quy định còn thiếu sót về nguyên tắc BTTH (như nguyên tắc miễn, giảm trách nhiệm BTTH...); kiến nghị về TNSP nghiêm ngặt, yếu tố lỗi; đề xuất về định nghĩa NTD, trách nhiệm liên đới... Tuy nhiên, một số đề tài được thực hiện trước khi BLDS năm 2015 có hiệu lực và một số đề tài còn được thực hiện khi chưa ban hành Luật BVQLNTD năm 2010. Do đó, dựa trên những công trình nghiên cứu cơ bản cũng như chuyên sâu của các tác giả trước có liên quan đến Đề tài, tác giả sẽ kế thừa có chọn lọc và tiếp tục tìm hiểu, bổ sung những điểm còn thiếu và đưa ra những quan điểm khoa học riêng của mình góp phần hoàn thiện pháp luật. Qua đó, bảo vệ tốt hơn quyền lợi của bên bị thiệt hại (NTD và chủ thể khác có liên quan) do HHKBĐCL gây ra.

1.1.3.2. Một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, tìm giải pháp

Thứ nhất, về những vấn đề cơ bản của trách nhiệm bồi thường, Luận án tiếp tục nghiên cứu và phân tích làm rõ khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD... Qua đó, rút ra những nhận xét, đánh giá về một số điểm chưa rõ ràng, còn mâu thuẫn và đưa ra định hướng phù hợp cho pháp luật Việt Nam.

Thứ hai, về ĐKPS trách nhiệm bồi thường, Luận án sẽ nghiên cứu và đánh giá một cách hệ thống từ quy định pháp luật đến thực tiễn áp dụng cũng như so sánh với pháp luật và thực tiễn của nước ngoài, đề xuất giải pháp cụ thể góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tiễn bảo vệ NTD.

Thứ ba, về việc xác định thiệt hại được bồi thường và trách nhiệm BTTH trong một số trường hợp đặc biệt, Luận án sẽ tìm hiểu việc xác định thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe, các thiệt hại khác và một số trường hợp đặc biệt có liên quan trong trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra dựa trên những vụ việc cụ thể, đối chiếu với quy định pháp luật, so sánh với pháp luật nước ngoài để đưa ra những kiến nghị phù hợp.

Cuối cùng, về chủ thể trong quan hệ bồi thường, Luận án sẽ phân tích một cách cụ thể về chủ thể có trách nhiệm bồi thường, chủ thể được bồi thường và chủ thể có quyền yêu cầu bồi thường trong trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra, phân tích một số trường hợp thực tiễn và so sánh với pháp luật nước ngoài để đề xuất một số ý kiến góp phần hoàn thiện pháp luật, qua đó, bảo vệ tốt hơn quyền lợi của bên bị thiệt hại.

1.2. Cơ sở lý thuyết của Đề tài

1.2.1. Lý thuyết nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu dựa trên những lý thuyết cơ bản sau:

1.2.1.1. Lý thuyết về thông tin bất cân xứng giữa nhà sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng

Lý thuyết về thông tin bất cân xứng (asymmetric information) là lý thuyết được

phát triển vào những năm 1970 và 1980. Các nhà kinh tế có ảnh hưởng đặc biệt trong việc phát triển về lý thuyết thông tin bất cân xứng là: George Akerlof, Michael Spence và Joseph Stiglitz.¹

Lý thuyết này chủ yếu được vận dụng để lý giải về mối quan hệ giữa nhà SXKD và NTD, lý do phải bảo vệ tốt hơn quyền lợi của NTD, giải thích về sự yếu thế của NTD dẫn đến ảnh hưởng trong việc tiếp cận thông tin về CLHH nên dễ bị thiệt hại do HHKBĐCL...

1.2.1.2. Lý thuyết về trách nhiệm nghiêm ngặt

Lý thuyết về trách nhiệm nghiêm ngặt (strict liability)² xuất phát từ Hoa Kỳ sau đó phát triển sang châu Âu và nhiều nước trên thế giới. Thời điểm ra đời lý thuyết TNNN vào khoảng thập niên 50 thế kỷ XX ở Hoa Kỳ.³

Nhìn chung, theo lý thuyết về TNNN, nhà SXKD phải BTTH do HHKBĐCL, sản phẩm có khuyết tật gây ra không cần xem xét đến việc nhà SXKD có lỗi trong việc phát sinh khuyết tật hay không. Nói cách khác, lý thuyết này không quan tâm đến hành vi của các bên mà chủ yếu chú trọng đến chất lượng của hàng hóa, sản phẩm gây thiệt hại và NTD bị thiệt hại có quyền yêu cầu bồi thường khi hàng hóa, sản phẩm không bảo đảm chất lượng gây ra thiệt hại mà không cần chứng minh lỗi của nhà SXKD.

Vì vậy, để bảo vệ tốt hơn quyền lợi của NTD bị thiệt hại, tác giả sẽ tiếp cận nghiên cứu Đề tài dựa trên cơ sở lý thuyết này, đặc biệt là vận dụng lý thuyết trên trong việc trình bày về đặc điểm của trách nhiệm bồi thường, nguyên tắc BTTH, các ĐKPS trách nhiệm bồi thường...

1.2.1.3. Lý thuyết nhân quyền

Nhân quyền hay quyền con người thường được hiểu là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế. Pháp luật là phương tiện bảo đảm giá trị thực tế của các quyền con người...⁴

Lý thuyết nhân quyền được vận dụng trong Luận án được hiểu là sẽ coi quyền lợi

¹ Sean Ross (2022), “Theory of Asymmetric Information” <https://www.investopedia.com/ask/answers/042415/what-theory-asymmetric-information-economics.asp>, ngày 23/02/2022 (truy cập ngày 14/11/2022).

² Về lý thuyết này, có tài liệu ghi nhận là học thuyết, nguyên tắc, nguyên lý (doctrine), có tài liệu dùng khái niệm lý thuyết (theory). Ví dụ: TNNN là một lý thuyết áp đặt trách nhiệm pháp lý đối với các thiệt hại hoặc thương tích ngay cả khi người chịu TNNN không hành động có lỗi hoặc sơ suất. (Strict liability is a theory that imposes legal responsibility for damages or injuries even if the person who was found strictly liable did not act with fault or negligence – “Strict Liability in personal injury cases”, <https://www.justia.com/injury/negligence-theory/strict-liability/#:~:text=Strict%20liability%20is%20a%20theory,act%20with%20fault%20or%20negligence>).

Theo từ điển Cambridge thì học thuyết có thể hiểu là một niềm tin, lý thuyết hoặc tập hợp các niềm tin, là một nguyên tắc hoặc tập hợp các nguyên tắc được tuân theo bởi một nhóm cụ thể hoặc trong những tình huống cụ thể; lý thuyết là một tuyên bố chính thức về các quy tắc mà một chủ đề nghiên cứu dựa vào hoặc các ý tưởng được đề xuất để giải thích một thực tế hoặc một sự kiện hay là một cái gì đó được đề xuất như một lời giải thích hợp lý, có hệ thống, khoa học cho các sự kiện. Như vậy, “TNNN” có thể được xem là hệ thống quan điểm mang tính khoa học, là nguyên tắc áp dụng trong trách nhiệm sản phẩm mà tác giả dựa vào để lý giải cho các quy định pháp luật có liên quan đến Luận án.

³ Lê Hồng Hạnh (chủ biên) (2013), *Chế định trách nhiệm sản phẩm trong pháp luật Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tr. 169 – 171.

⁴ Nguyễn Đăng Dung – Vũ Công Giao – Lê Khánh Tùng (2011), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr. 38, tr. 47 – 48.

của NTD nói chung, trong đó có quyền được BTTH, là quyền con người và được ưu tiên bảo vệ, không chỉ dựa vào pháp luật quốc gia mà cả pháp luật quốc tế. NTD là con người có quyền được hưởng các sản phẩm an toàn để đảm bảo nhu cầu đời sống. Khi quyền của họ bị xâm phạm và có thiệt hại thì có thể được bồi thường nhằm khắc phục thiệt hại. Do đó, Luận án sẽ được tiếp cận nghiên cứu dưới góc độ xem quyền lợi của NTD, trong đó có quyền được BTTH do HHKBĐCL gây ra, là quyền con người và cần được bảo vệ ngày càng tốt hơn thông qua việc hoàn thiện các quy định pháp luật về BTTH.

1.2.1.4. Lý thuyết thực hành kinh doanh có trách nhiệm và bảo vệ người tiêu dùng

Thực hành kinh doanh có trách nhiệm (responsible business practices - RBP) bắt nguồn từ lý thuyết trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (corporate social responsibility - CSR).⁵ Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp có thể hiểu là “trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với sự tác động của họ với xã hội và do đó, phải do doanh nghiệp quyết định. Các doanh nghiệp có thể trở nên có trách nhiệm với xã hội bằng cách: tích hợp các mối quan tâm về xã hội, môi trường, đạo đức, NTD và nhân quyền vào chiến lược và hoạt động kinh doanh của họ; tuân thủ pháp luật”⁶.

Thực hành kinh doanh có trách nhiệm được hiểu là việc thực hành các hoạt động kinh doanh trên cơ sở tuân thủ pháp luật và thực hiện các biện pháp đánh giá rủi ro đối với các yếu tố con người, xã hội và môi trường, đồng thời, giải quyết các nguy cơ tiềm ẩn bằng việc phòng ngừa, giảm thiểu hoặc tiến hành biện pháp khắc phục thích hợp khi xảy ra vi phạm các tiêu chuẩn liên quan.⁷

Với lý thuyết thực hành kinh doanh có trách nhiệm và bảo vệ NTD, Luận án sẽ áp dụng để lý giải mối quan hệ giữa doanh nghiệp với NTD trong việc cung cấp hàng hóa bảo đảm chất lượng; giải thích về sự cần thiết phải nâng cao, thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm để hạn chế những sản phẩm, HHKBĐCL gây thiệt hại cho NTD... Việc vận dụng tốt lý thuyết này trong xây dựng, thực thi pháp luật sẽ nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và bảo vệ tốt hơn quyền lợi của NTD.

1.2.2. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu tổng quát

Làm thế nào để bảo vệ tốt hơn quyền lợi của bên bị thiệt hại (người tiêu dùng và chủ thể khác có liên quan) do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra ở Việt Nam

⁵ Đỗ Văn Tính (2021), “Tổng hợp các nghiên cứu lý thuyết về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”, <https://kqtkd.duytan.edu.vn/Home/ArticleDetail/vn/88/5414/tong-hop-cac-nghien-cuu-ly-thuyet-ve-trach-nhiem-xa-hoi-cua-doanh-nghiep#:~:text=N%C4%83m%201953%2C%20l%E1%BA%A7n%20C4%91%E1%BA%A7u%20ti%C3%AAn,%C4%91%E1%BA%BFn%20x%C3%A3%20h%E1%BB%99i%20c%C3%B2n%20ph%E1%BA%A3i>, truy cập ngày 19/02/2023.

⁶ European Commission (2023), “Corporate social responsibility & Responsible business conduct”, https://single-market-economy.ec.europa.eu/industry/sustainability/corporate-social-responsibility-responsible-business-conduct_en, truy cập ngày 19/02/2023.

⁷ Nguyen Minh - Jo Bensemann - Stephen Kelly (2018), “Corporate social responsibility (CSR) in Vietnam: a conceptual framework”, *Int J Corporate Soc Responsibility* 3, 9 (2018), <https://jcsr.springeropen.com/articles/10.1186/s40991-018-0032-5>, truy cập ngày 27/05/2023.

bằng pháp luật về bồi thường thiệt hại?

Giả thuyết chung

Quyền lợi của NTD bị thiệt hại do HHKBĐCL gây ra ở Việt Nam đã và đang được pháp luật về BTTH bảo vệ. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật về BTTH cho NTD hiện nay còn rải rác, nhiều quy định còn chồng chéo, mâu thuẫn và còn thiếu nên việc BVQLNTD chưa đạt được hiệu quả. Do đó, để bảo vệ quyền lợi của NTD và chủ thể khác có liên quan bị thiệt hại một cách tốt hơn, pháp luật về BTTH cần được hoàn thiện bằng cách sửa đổi, hướng dẫn làm rõ những quy định chưa rõ ràng, mâu thuẫn và bổ sung những quy định còn thiếu sót. Đó là những quy định về khái niệm, ĐKPS trách nhiệm bồi thường, xác định thiệt hại được bồi thường, BTTH vì lợi ích công cộng, BTTH mang tính trừng phạt và chủ thể trong quan hệ BTTH do HHKBĐCL gây ra.

1.3. Phương pháp nghiên cứu Đề tài

1.3.1. Phương pháp tiếp cận

Luận án chủ yếu được thực hiện theo hướng tiếp cận nghiên cứu định tính. Ngoài ra, Luận án cũng được tiếp cận theo phương pháp kinh tế - luật.

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện Luận án, tác giả sẽ sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể, gồm:

- Phương pháp hệ thống: Đây là phương pháp được sử dụng chủ yếu trong chương 1 để thống kê, sưu tập tài liệu và các VBPL làm cơ sở để phân tích, đánh giá, so sánh với thực tiễn và pháp luật nước ngoài về những vấn đề tổng quan trong Luận án. Ngoài ra, phương pháp này cũng sử dụng trong các chương còn lại của Luận án để thống kê các tài liệu có liên quan đến mỗi vấn đề nghiên cứu làm cơ sở phân tích, so sánh, đưa ra những nhận xét, đánh giá.

- Phương pháp phân tích - tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt trong tất cả các chương của Luận án.

- Phương pháp phân tích vụ việc thực tiễn: Đây là phương pháp được sử dụng chủ yếu ở chương 2, 3, 4 và 5 của Luận án nhằm làm rõ các vấn đề nghiên cứu, đồng thời, góp phần giúp tác giả đánh giá đúng đắn về thực tiễn áp dụng pháp luật để đưa ra những kiến nghị phù hợp.

- Phương pháp so sánh: Phương pháp so sánh được sử dụng ở tất cả các chương của Luận án. Phương pháp này được áp dụng theo hướng so sánh theo thời gian từ trước đến nay, so sánh theo không gian từ trong nước đến nước ngoài...

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO HÀNG HÓA KHÔNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GÂY RA CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG

2.1. Khái niệm bồi thường thiệt hại do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra cho người tiêu dùng

(i) Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Mặc dù BLDS năm 2015 không có định nghĩa nhưng trách nhiệm BTTH (như cách hiểu của các BLDS trước đây và quy định của Điều 361 BLDS năm 2015) bao gồm trách nhiệm BTTH về vật chất và trách nhiệm BTTH về tinh thần.

(ii) Về hàng hóa

Hàng hóa có thể hiểu là “sản phẩm được đưa vào thị trường, tiêu dùng thông qua trao đổi, mua bán, tiếp thị” và “sản phẩm là kết quả của quá trình sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc tiêu dùng”.

(iii) Về hàng hóa không bảo đảm chất lượng

Vấn đề CLSPHH liên quan đến tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Khái niệm HHKBĐCL hiểu theo Luật CLSPHH là hàng hóa không tuân thủ tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Đồng thời, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, hàng hóa vừa phải bảo đảm nâng cao CLSPHH vừa phải đáp ứng yêu cầu về an toàn.

(iv) Về hàng hóa có khuyết tật

Nhìn chung, quy định về “sản phẩm, HHCKT” của Luật BVQLNTD năm 2023 của Việt Nam tương ứng với một số nước khác trên thế giới, đó là những sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm an toàn cho NTD, có khả năng gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe, tài sản của NTD hay theo nghĩa rộng hơn, đó là những sản phẩm, hàng hóa không mang lại sự an toàn mà mọi người có thể mong đợi một cách chính đáng.

(v) Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra cho người tiêu dùng

Từ phân tích ở trên, để có cách hiểu thống nhất về khái niệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD, khái niệm HHKBĐCL theo BLDS cần được làm rõ trong mối quan hệ với khái niệm HHCKT, đồng thời, trách nhiệm BTTH trong trường hợp trên cũng cần đặt trong mối liên hệ với trách nhiệm BTTH do HHCKT gây ra NTD, TNSP...

Theo tác giả, HHKBĐCL trong BLDS nên được hiểu theo nghĩa rộng là hàng hóa không tuân thủ tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hay có khuyết tật phát sinh trong quá trình sản xuất, chế biến, vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng.

Liên quan đến nội hàm của khái niệm, tác giả cho rằng “BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD” có thể được hiểu là biện pháp chế tài về mặt dân sự áp dụng đối với nhà

SXKD nhằm khắc phục những thiệt hại gây ra cho NTD và chủ thể khác có liên quan bởi hàng hóa không tuân thủ tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hay có khuyết tật mà họ đã cung cấp cho NTD.

2.2. Đặc điểm của trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra cho người tiêu dùng

2.2.1. Trách nhiệm dân sự phát sinh không phụ thuộc vào ràng buộc hợp đồng giữa nhà sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng

Trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD là trách nhiệm BTTH của nhà SXKD đối với NTD. Do đó, đây là một loại TNDS phát sinh giữa các bên liên quan đến nghĩa vụ bảo đảm CLHH (và cả dịch vụ). Việc xác định trách nhiệm này không cần phải dựa trên sự ràng buộc hợp đồng giữa nhà SXKD và NTD, tức là giữa họ có thể có quan hệ hợp đồng hoặc không.

2.2.2. Trách nhiệm dân sự phát sinh không cần yếu tố lỗi

Trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD theo pháp luật Việt Nam hiện nay chủ yếu được xây dựng dựa trên cơ sở TNNN, trách nhiệm BTTH không cần yếu tố lỗi. Với TNNN, nhà SXKD nếu có chứng minh được mình không biết hay không có lỗi trong việc làm phát sinh khuyết tật của hàng hóa thì họ vẫn phải chịu trách nhiệm BTTH cho NTD, đồng thời, nghĩa vụ chứng minh sẽ được chuyển từ NTD sang cho nhà SXKD. Do đó, quy định về TNNN là một quy định rất tiến bộ trong pháp luật về BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD của Việt Nam. Đây là đặc trưng quan trọng giúp phân biệt trách nhiệm này với một số loại TNDS khác và rất có ý nghĩa trong việc BVQLNTD (trách nhiệm BTTH do dùng chất kích thích gây ra, trách nhiệm BTTH do súc vật gây ra... - các loại trách nhiệm này vẫn áp dụng nguyên tắc tố tụng truyền thống là trách nhiệm chứng minh vi phạm, lỗi và thiệt hại thuộc về bên bị thiệt hại). Nói cách khác, “việc không dựa trên yếu tố lỗi là điểm đặc biệt nhằm BVQLNTD một cách có hiệu quả”⁸.

2.2.3. Trách nhiệm dân sự phát sinh dựa trên những điều kiện đặc thù

Từ quy định pháp luật và các quan điểm của các tác giả, có thể thấy rằng, có việc HHKBĐCL gây thiệt hại là điều kiện đầu tiên làm phát sinh trách nhiệm BTTH và NTD muốn được bồi thường phải chứng minh được thiệt hại của mình do HHKBĐCL gây ra. Nói cách khác, việc HHKBĐCL gây thiệt hại có thể xuất phát từ hành vi trái pháp luật của nhà SXKD như không tuân thủ các tiêu chuẩn công bố áp dụng hay quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, tuy nhiên, cũng có thể xuất phát từ chính hàng hóa phát sinh khuyết tật trong quá trình vận chuyển, lưu giữ... Do đó, khi có việc HHKBĐCL gây thiệt hại, thiệt hại thực tế xảy ra cho NTD và có mối quan hệ nhân quả giữa việc HHKBĐCL gây thiệt hại với thiệt hại thực tế xảy ra thì về nguyên tắc, NTD bị thiệt hại có thể được bồi thường.

⁸ Ngô Thu Trang (2016), “Chế định trách nhiệm sản phẩm trong pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 06/291, tr. 37.

Đây là điểm đặc trưng của trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra.

2.2.4. Trách nhiệm dân sự có đặc trưng riêng về cơ sở pháp lý, thủ tục giải quyết và cơ chế bảo vệ

Ngoài các đặc điểm đã nêu trên, trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD còn có một số đặc trưng riêng so với các loại trách nhiệm BTTH khác. Đó là:

Thứ nhất, trách nhiệm này được quy định dựa trên cơ sở pháp lý riêng ngoài những quy định chung trong BLDS và có một số nguyên tắc đặc thù.

Thứ hai, trách nhiệm này có cách thức thực hiện đặc thù, cụ thể là những đặc thù riêng về thủ tục giải quyết yêu cầu BTTH và cơ chế bảo vệ.

2.3. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra cho người tiêu dùng

BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD là một loại TNDS có những đặc trưng riêng và nguyên tắc áp dụng cho loại trách nhiệm này cũng bao gồm đầy đủ các nguyên tắc được ghi nhận trong BLDS và các VBPL có liên quan như nguyên tắc bồi thường toàn bộ và kịp thời; nguyên tắc miễn, giảm trách nhiệm bồi thường; nguyên tắc ngăn chặn, hạn chế thiệt hại... Tuy nhiên, nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi của NTD bị thiệt hại, Luận án chỉ tập trung phân tích các nguyên tắc cơ bản có liên quan là bồi thường toàn bộ, kịp thời và miễn, giảm trách nhiệm bồi thường được ghi nhận trong BLDS năm 2015, Luật BVQLNTD năm 2010 và Luật CLSPHH năm 2007.

2.3.1. Bồi thường toàn bộ và kịp thời

Để bảo vệ tốt hơn quyền lợi của NTD bị thiệt hại do HHKBĐCL gây ra, nguyên tắc bồi thường toàn bộ và kịp thời cần được hiểu và áp dụng đúng đắn trong thực tiễn. Bởi vì nguyên tắc này áp dụng trong trường hợp BTTH cho NTD có điểm đặc thù riêng.

2.3.2. Miễn, giảm trách nhiệm bồi thường

Về vấn đề miễn, giảm trách nhiệm bồi thường của nhà SXKD, việc nghiên cứu nội dung này trong pháp luật Việt Nam và nước ngoài là nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam, giúp cho các quy định của pháp luật được rõ ràng hơn và theo đó, các trường hợp miễn, giảm trách nhiệm bồi thường chỉ được áp dụng khi hội đủ các điều kiện luật định, khi có sự ghi nhận và giải thích một cách thống nhất. Điều này cũng góp phần làm cho việc áp dụng pháp luật được thuận lợi, tránh việc nhà SXKD trốn tránh trách nhiệm bồi thường dựa vào quy định miễn, giảm không rõ ràng. Qua đó, giúp bảo vệ tốt hơn quyền lợi NTD bị thiệt hại do HHKBĐCL gây ra. Hơn nữa, quy định về miễn, giảm trách nhiệm bồi thường của nhà SXKD theo Luật BVQLNTD, Luật CLSPHH và BLDS năm 2015 cũng có những đặc thù riêng so với các trường hợp miễn, giảm trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng khác.

(i) *Về các trường hợp miễn, giảm trách nhiệm bồi thường*

(ii) *Về miễn, giảm trách nhiệm bồi thường do lỗi của người tiêu dùng*

CHƯƠNG 3

ĐIỀU KIỆN PHÁT SINH TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO HÀNG HÓA KHÔNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GÂY RA CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG

3.1. Có việc hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây thiệt hại

Để buộc chủ thể SXKD bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho NTD thì trước tiên phải có việc HHKBĐCL gây thiệt hại. Việc HHKBĐCL gây thiệt hại có thể xuất phát từ hành vi của nhà SXKD hoặc từ những khuyết tật của hàng hóa phát sinh trong quá trình vận chuyển, bảo quản, lưu giữ...

Như vậy, mặc dù khó khăn trong việc xác định nhưng chỉ khi có việc HHKBĐCL gây thiệt hại thì mới là ĐKPS trách nhiệm BTTH cho NTD và dù có việc HHKBĐCL nhưng không gây ra thiệt hại thì cũng không đặt ra vấn đề bồi thường.

3.2. Có thiệt hại thực tế xảy ra cho người tiêu dùng

Thiệt hại là “sự mất mát mà một chủ thể của quan hệ pháp luật phải gánh chịu”⁹.

Về thiệt hại thực tế của NTD bị thiệt hại do HHKBĐCL hiện nay được quy định trong Luật BVQLNTD, Luật CLSPHH và BLDS năm 2015. Tuy nhiên, quy định tại các văn bản này có điểm chông chéo, chưa thống nhất và thiếu sót dẫn đến việc xác định thiệt hại thực tế của NTD còn khó khăn, chưa đảm bảo quyền lợi của NTD.

Tóm lại, không có thiệt hại thực tế xảy ra thì không có trách nhiệm BTTH. Do đó, thiệt hại thực tế xảy ra là điều kiện quan trọng làm phát sinh trách nhiệm BTTH nói chung và cho NTD do HHKBĐCL gây ra nói riêng. Tuy nhiên, về các loại thiệt hại, đặc biệt là thiệt hại về chính HHKBĐCL (thiệt hại về giá trị hàng hóa), pháp luật hiện hành cần có những sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn như đã nêu trên để đảm bảo cho quy định pháp luật được thực thi hiệu quả, bảo vệ tốt hơn quyền lợi của NTD. Đối với NTD, cần phải tích cực, chủ động trong việc lưu giữ các chứng từ giao dịch và khi phát hiện HHKBĐCL thì phải giữ lại các bằng chứng để chứng minh cho yêu cầu của mình. Bởi lẽ, mặc dù NTD không phải chứng minh lỗi của nhà SXKD nhưng vẫn phải chứng minh thiệt hại và sự tồn tại của HHKBĐCL.

3.3. Quan hệ nhân quả giữa việc hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây thiệt hại với thiệt hại thực tế xảy ra cho người tiêu dùng

Từ những phân tích ở trên, có thể thấy rằng bản thân việc HHKBĐCL chưa đủ để buộc nhà SXKD BTTH cho dù xác định được nhà SXKD đã cung cấp hàng hóa. Theo quy định của BLDS, cần phải chứng minh thêm rằng việc không bảo đảm CLHH “gây thiệt hại cho NTD” (Điều 608). Khi áp dụng Luật BVQLNTD năm 2010, nhà SXKD cũng chỉ phải “có trách nhiệm BTTH trong trường hợp HHCKT do mình cung cấp gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của NTD” (khoản 1 Điều 23). Nói cách khác,

⁹ Nguyễn Ngọc Điện (2020), *Giáo trình Luật Dân sự (tập 2)*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr. 227.

theo các quy định trên, bên cạnh việc HHKBĐCL thì cần phải chứng minh thêm rằng việc HHKBĐCL “gây thiệt hại cho NTD” hay “gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của NTD”. Tuy nhiên, trên thực tế, xác định mối quan hệ nhân quả giữa việc HHKBĐCL gây thiệt hại với thiệt hại xảy ra cho NTD là vấn đề phức tạp.

Như vậy, khi có việc HHKBĐCL gây thiệt hại cho NTD, về mặt quy định pháp luật đều yêu cầu phải có mối quan hệ nhân quả giữa việc HHKBĐCL gây thiệt hại với thiệt hại xảy ra. Tuy nhiên, cách quy định của BLDS năm 2015 và Luật BVQLNTD năm 2010 còn chưa rõ ràng

3.4. Về yếu tố lỗi

Về nguyên tắc, lỗi không là ĐKPS trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD theo quy định của Luật BVQLNTD năm 2010 và BLDS năm 2015. Tuy nhiên, Luật CLSPHH năm 2007 và một số VBPL có liên quan khác đang có hiệu lực vẫn ghi nhận về yếu tố lỗi như là ĐKPS trách nhiệm bồi thường, do đó, yếu tố lỗi đóng vai trò như thế nào trong trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra và tại sao lại có những quy định khác nhau như trên, yếu tố này sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của NTD như thế nào là những vấn đề cũng cần được đặt ra, lý giải và hoàn thiện quy định nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi của NTD.

- (i) Lỗi không là điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường*
- (ii) Cách hiểu về lỗi và chứng minh lỗi theo pháp luật và thực tiễn*

CHƯƠNG 4

XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI ĐƯỢC BỒI THƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

4.1. Xác định thiệt hại được bồi thường do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra

Xác định nghĩa là “định rõ, vạch rõ một cách hợp lý để theo đó mà làm”¹⁰. Thiệt hại là “sự mất mát mà một chủ thể của quan hệ pháp luật phải gánh chịu”¹¹. Thiệt hại cũng có thể hiểu là “sự biến thiên theo chiều xấu đi của tài sản, của các giá trị nhân thân được pháp luật bảo vệ”¹². Xác định thiệt hại do HHKBĐCL gây ra là định rõ những mất mát mà bên bị thiệt hại đã và chắc chắn sẽ gánh chịu nhằm buộc chủ thể gây thiệt hại phải bồi thường. Qua đó, khắc phục được thiệt hại của bên bị thiệt hại.

Đối với trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD, khi tài sản, tính mạng, sức khỏe và các yếu tố khác bị xâm phạm có thể tồn tại thiệt hại về vật chất, thiệt hại về tinh thần và việc xác định trong thực tiễn như thế nào là vấn đề cần được đặt ra.

4.1.1. Thiệt hại về tài sản

Theo pháp luật hiện hành, đối với thiệt hại về tài sản, theo Điều 589 BLDS năm 2015, thiệt hại do tài sản bị xâm phạm bao gồm: tài sản bị mất, bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng; lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản bị mất, bị giảm sút; chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại; thiệt hại khác do luật quy định.

Từ quan điểm của một số tác giả cũng như pháp luật nước ngoài, có thể thấy rằng thiệt hại về tinh thần do tài sản bị xâm phạm cũng có thể được bồi thường nếu như gây ảnh hưởng về tinh thần “nghiêm trọng”. Do đó, để NTD có cơ hội được bồi thường một cách đầy đủ cho những thiệt hại mà mình phải gánh chịu từ HHKBĐCL, nếu NTD có thiệt hại về tài sản do HHKBĐCL gây ra mà chưa kèm theo những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe... thì cũng có thể xem xét yêu cầu BTTH về tinh thần nếu như thiệt hại về tài sản dẫn đến thiệt hại về tinh thần “nghiêm trọng” cho bên bị thiệt hại. Điều này cần được ghi nhận vào Nghị quyết hướng dẫn áp dụng BLDS hoặc được thể hiện bằng án lệ giúp cho việc áp dụng được thống nhất và hiệu quả.

4.1.2. Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe

Theo pháp luật hiện hành, đối với thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, bởi vì Luật BVQLNTD và Luật CLSPHH không quy định về cách xác định nên áp dụng quy định chung của BLDS. Theo Điều 590 và Điều 591 BLDS năm 2015, thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm bao gồm thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần. Theo đó, khi sức khỏe của NTD bị xâm phạm bởi HHKBĐCL thì có quyền yêu cầu bồi thường:

¹⁰ Chu Bích Thu (chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt phổ thông*, NXB Phương Đông, tr. 1051.

¹¹ Nguyễn Ngọc Điện (2020), *Giáo trình Luật Dân sự (tập 2)*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr. 227.

¹² Nguyễn Xuân Quang – Lê Nét – Nguyễn Hồ Bích Hằng (2007), *Luật Dân sự Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr. 417.

chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; nếu thu nhập thực tế của người bị thiệt hại không ổn định và không thể xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại; chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; nếu người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần phải có người thường xuyên chăm sóc thì thiệt hại bao gồm cả chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại; thiệt hại khác do luật quy định. Ngoài ra, NTD có thể yêu cầu BTTH về tinh thần, theo đó, mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Với thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm, Điều 591 BLDS quy định thiệt hại về vật chất mà NTD có quyền yêu cầu BTTH gồm: thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm; chi phí hợp lý cho việc mai táng; tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng; thiệt hại khác do luật quy định. Đồng thời, với thiệt hại về tinh thần, mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá một trăm lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Nhìn chung, những thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần nêu trên cũng được tính toán theo quy định chung của BLDS và hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2022/NQ – HĐTP. Tuy nhiên, khi xác định thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của NTD, có hai vấn đề cần đặt ra như sau:

Một là, về thiệt hại cho sức khỏe của người tiêu dùng chắc chắn xảy ra trong tương lai.

Hai là, về thiệt hại tinh thần không kèm với thiệt hại về thể chất (tính mạng, sức khỏe).

4.1.3. Các thiệt hại khác

Theo pháp luật hiện hành, Luật BVQLNTD của Việt Nam chỉ quy định thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản do HHCKT gây ra cho NTD. Trong khi đó, Luật CLSPHH cũng liệt kê chủ yếu các loại thiệt hại về vật chất trong Điều 60. BLDS năm 2015 thì quy định thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác... (Điều 584). Như vậy, ngoài thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe, trong trường hợp BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD có thể tồn tại những loại thiệt hại khác hay không cũng là vấn đề cần đặt ra.

4.2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp đặc biệt

4.2.1. Bồi thường thiệt hại vì lợi ích công cộng

BTTH vì lợi ích công cộng nếu được áp dụng vào thực tiễn một cách hiệu quả sẽ là biện pháp giúp cho việc BVQLNTD tốt hơn, NTD ở đây không chỉ là một NTD riêng lẻ bị thiệt hại mà là số lượng lớn NTD hay toàn bộ NTD trong xã hội bị thiệt hại, trường

hợp không xác định được bên bị thiệt hại thì số tiền BTTH cũng sẽ được sử dụng cho mục đích BVQLNTD nói chung và góp phần hạn chế được những hành vi vi phạm của các chủ thể SXKD. Đây là đặc thù của TNSP bởi phạm vi vi phạm có thể rất rộng và mức độ thiệt hại lớn hơn nhiều so với một số loại trách nhiệm BTTH khác. Điều này cũng giúp các doanh nghiệp cẩn trọng hơn trong việc cung cấp hàng hóa cho NTD, bảo đảm tuân thủ yêu cầu về chất lượng và thực thi quy định về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, BVQLNTD. Do đó, việc hướng dẫn rõ ràng các nội dung đã nêu trên sẽ giúp quy định này được thực thi và qua đó, bảo vệ tốt hơn quyền lợi của NTD.

4.2.2. Bồi thường thiệt hại mang tính “trừng phạt”

BTTH mang tính “trừng phạt” đã được ghi nhận ở nhiều nước, không chỉ Hoa Kỳ mà cả những nước trong cùng khu vực với Việt Nam, đặc biệt là Thái Lan¹³, một quốc gia có sự phát triển tốt về CLHH (và cả dịch vụ), do đó, Việt Nam cũng nên bước đầu ghi nhận về biện pháp này nhằm khắc phục thiệt hại cho NTD bị thiệt hại do HHKBĐCL gây ra, giúp phòng ngừa, răn đe các chủ thể SXKD và nhiều ý nghĩa khác như đã nêu ở trên. Qua đó, quyền lợi của NTD sẽ được bảo vệ ngày càng tốt hơn, nhất là trong bối cảnh vi phạm nhiều về CLHH như hiện nay. Đồng thời, nếu bước đầu ghi nhận và hướng dẫn tiêu chí áp dụng thì để đảm bảo áp dụng thống nhất, mức bồi thường không quá hai lần mức thiệt hại thực tế như trên sẽ không quá cao nhưng cũng có tác dụng nhất định đến những chủ thể vi phạm. Sau này, nếu đã áp dụng ổn định và tùy vào tình hình thực tiễn thì có thể ghi nhận linh hoạt hơn về mức bồi thường với những tiêu chí rõ ràng, tránh việc áp dụng tùy tiện.

¹³ Việc tham khảo kinh nghiệm của các nước này là nhằm đảm bảo nhu cầu hội nhập về mặt pháp luật nói chung và pháp luật về bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng nói riêng. Bởi lẽ, “hội nhập pháp luật của Việt Nam cần được xem là một lĩnh vực hội nhập quan trọng song hành với hội nhập kinh tế, hội nhập an ninh – chính trị và hội nhập văn hóa – xã hội” (Nguyễn Thanh Tú (2015), “Hài hòa hoá pháp luật trong ASEAN từ góc độ Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 06 (91), tr. 72).

CHƯƠNG 5

CHỦ THỂ TRONG QUAN HỆ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO HÀNG HÓA KHÔNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GÂY RA

5.1. Chủ thể có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra

5.1.1. Các loại chủ thể có trách nhiệm bồi thường

Để tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ cho đời sống xã hội, Nhà nước khuyến khích các chủ thể tiến hành các hoạt động SXKD. Tuy nhiên, “việc SXKD ấy phải phù hợp với pháp luật, không được xâm phạm đến lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng và lợi ích của chủ thể khác trong đó có NTD”¹⁴. Khi có sự vi phạm về CLHH và gây thiệt hại cho NTD, về nguyên tắc, nhà SXKD phải chịu trách nhiệm BTTH. Tuy nhiên, chủ thể có trách nhiệm BTTH cho NTD khi HHKBĐCL gây ra gồm nhiều loại chủ thể khác nhau tồn tại từ khâu sản xuất đến phân phối, tiêu thụ sản phẩm. Do đó, quy định của pháp luật điều chỉnh cũng rất đa dạng.

5.1.2. Thứ tự chủ thể có trách nhiệm bồi thường

Theo pháp luật hiện hành, về thứ tự chủ thể có trách nhiệm bồi thường, Luật BVQLNTD năm 2010 đã thiết lập một thứ tự ưu tiên xác định chủ thể có trách nhiệm bồi thường khi HHCKT gây thiệt hại cho NTD. Tuy nhiên, quy định về thứ tự chủ thể có trách nhiệm bồi thường trong Luật này chưa tương thích với quy định tương ứng trong Luật CLSPHH và BLDS.

Theo khoản 2 Điều 23 Luật BVQLNTD năm 2010, thứ tự chủ thể bồi thường do khuyết tật của hàng hóa gây thiệt hại đó là NSX, nhà nhập khẩu, chủ thể gắn tên thương mại lên hàng hóa... và chủ thể trực tiếp cung cấp HHCKT khi không xác định được các chủ thể trên. Nói cách khác, thứ tự ở đây là xác định NSX hoặc nhà nhập khẩu hoặc chủ thể gắn tên thương mại lên hàng hóa... và khi không có các chủ thể trên mới xét đến chủ thể trực tiếp cung cấp HHCKT. Quy định này khác với nội dung của Điều 608 BLDS năm 2015 và quy định tương ứng trong Luật CLSPHH năm 2007, chủ thể nào vi phạm hay có lỗi không bảo đảm CLHH thì chủ thể đó bồi thường.

Đến nay, Luật BVQLNTD năm 2023 quy định thứ tự chủ thể bồi thường giống như khoản 2 Điều 23 Luật BVQLNTD năm 2010 và có bổ sung chủ thể là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động trung gian thương mại; tổ chức, cá nhân khác chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa theo quy định khác của pháp luật có liên quan. Về thứ tự thì vẫn giữ là “tổ chức, cá nhân trực tiếp cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho NTD” chịu trách nhiệm sau cùng sau khi không xác định được các chủ thể ở trên (khoản 3 Điều 34).

Ngoài ra, nếu Luật CLSPHH năm 2007 hay BLDS năm 2015 có quy định bên nào

¹⁴ Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh (2017), *Giáo trình Pháp luật Hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, tr. 431.

vi phạm hay có lỗi thì bên đó phải bồi thường thì có áp dụng các quy định đó không hay vẫn theo thứ tự chủ thể như Luật BVQLNTD cũng là vấn đề cần xem xét. Đồng thời, nếu sản phẩm có khuyết tật vừa xác định được NSX, vừa xác định được người bán thì phân định trách nhiệm bồi thường cho chủ thể nào trong khi TNSP không cần lỗi.

Tóm lại, việc thiết lập thứ tự chủ thể BTTH như Luật BVQLNTD năm 2010 (hiện nay là Luật BVQLNTD năm 2023) là phù hợp nhưng cần có sự hướng dẫn áp dụng về từng loại chủ thể, đồng thời, quy định về chủ thể BTTH trong Luật CLSPHH trùng với BLDS thì nên bỏ. Việc ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành là Luật BVQLNTD trước khi áp dụng BLDS là cần thiết, tránh việc mâu thuẫn, chòng chẹo. Ngoài ra, những trường hợp NTD bị thiệt hại do HHKBĐCL được luân chuyển qua nhiều chủ thể hoặc HHKBĐCL do sự kết hợp bởi nhiều thành phần thì trách nhiệm của các chủ thể được xác định như thế nào cũng là vấn đề cần đặt ra.

5.1.3. Liên đới chịu trách nhiệm bồi thường

Theo pháp luật hiện hành, Điều 23 Luật BVQLNTD năm 2010 quy định về chủ thể BTTH do HHCKT gây ra không có ghi nhận về trách nhiệm liên đới. Mặc dù điều này có chi dẫn áp dụng pháp luật dân sự nhưng quy định của BLDS năm 2015 tại Điều 587 chỉ được áp dụng đối với trường hợp liên đới do nhiều người cùng gây thiệt hại và lấy yếu tố lỗi làm căn cứ để quy trách nhiệm liên đới. Trong khi đó, với trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL hay HHCKT gây ra chủ yếu dựa trên chính khuyết tật hay sự không bảo đảm chất lượng của hàng hóa để quy trách nhiệm mà không cần dựa trên lỗi. Hiện nay, Luật BVQLNTD năm 2023 đã bổ sung quy định: Trường hợp nhiều tổ chức, cá nhân kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều này cùng gây thiệt hại thì các tổ chức, cá nhân kinh doanh đó phải liên đới bồi thường cho NTD (khoản 4 Điều 34).

Tóm lại, việc bổ sung về trách nhiệm liên đới BTTH trong quy định của Luật BVQLNTD năm 2023 và có văn bản hướng dẫn thêm về các trường hợp áp dụng (như đã phân tích ở trên) sẽ giúp nâng cao trách nhiệm của nhà SXKD trong quá trình cung cấp hàng hóa của mình cho NTD, tránh việc cung cấp những HHKBĐCL, đặc biệt là những hàng hóa lắp ráp, cấu tạo từ nhiều linh kiện, bộ phận khác nhau, tránh việc đùn đẩy trách nhiệm cho nhau khi có thiệt hại xảy ra cho NTD, qua đó, bảo vệ tốt hơn quyền lợi của NTD bị thiệt hại. Ngoài ra, để các quy định này được thực thi, như đã nêu ở phần trên, hàng hóa cần phải có xuất xứ, nguồn gốc rõ ràng và bản thân nhà SXKD phải tuân thủ các quy định về việc ghi nhãn hàng hóa, xuất xứ hàng hóa... Nếu hàng hóa không xác định được nhà SXKD thì dù có thiệt hại xảy ra cho NTD, quyền được BTTH của NTD vẫn không được đảm bảo. Đồng thời, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng phải tích cực, thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra phát hiện vi phạm về hàng hóa và xử lý vi phạm để tránh việc HHKBĐCL gây thiệt hại cho NTD. Bản thân NTD cũng phải chủ động hơn trong việc phát hiện vi phạm, khiếu nại, khởi kiện và phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc xử lý vi phạm. Qua đó, hạn chế được các hành vi vi phạm và nếu có vi phạm xảy ra thì việc xác định chủ thể để áp dụng trách

nhiệm BTTH cũng dễ dàng hơn, đảm bảo quyền lợi cho NTD.

5.2. Chủ thể được bồi thường thiệt hại do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra

5.2.1. Người tiêu dùng

Với bên bị thiệt hại được bồi thường là NTD, để bảo vệ tốt hơn quyền lợi của NTD bị thiệt hại, quy định về định nghĩa NTD trong Luật BVQLNTD sửa đổi nên ghi nhận theo nghĩa rộng và tách bạch như trên thì sẽ phù hợp hơn. NTD không chỉ là cá nhân mà có thể là các tổ chức (ví dụ như các pháp nhân công) không mua, sử dụng hàng hóa cho mục đích sinh lợi hay mục đích thương mại. Việc ghi nhận định nghĩa NTD theo nghĩa rộng sẽ có thể bao quát được những trường hợp chủ thể được BTTH do HHKBĐCL gây ra, dành những quyền lợi chính đáng cho các chủ thể nếu thực sự họ là NTD. Bởi lẽ, dù là tổ chức thì trong mối quan hệ với nhà SXKD, tổ chức là NTD cũng khó có thể tiếp cận các thông tin về CLHH mà chỉ có nhà SXKD mới có thể hiểu rõ, đặc biệt là trong những trường hợp nhà SXKD có những hành vi trái pháp luật tinh vi và gây ra những thiệt hại nghiêm trọng. Có tác giả cũng cho rằng: “Do khả năng tiếp cận thông tin về hàng hóa, dịch vụ khá hạn chế, kỹ năng và kinh nghiệm tham gia các giao dịch có nhiều bất lợi so với doanh nghiệp, NTD thường ở vị trí yếu thế và có nguy cơ bị xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp”¹⁵. Đồng thời, để tránh bị thiệt hại, bản thân NTD cũng phải tích cực, chủ động trong việc tự bảo vệ quyền lợi của mình. Bởi lẽ, “bảo vệ NTD chỉ có thể có hiệu quả nếu NTD tích cực và mong muốn tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các quy định của thị trường. Có vẻ như NTD ngày càng nhận thức rõ hơn về các quyền của mình và sẵn sàng hành động”¹⁶. Hiện nay, Luật BVQLNTD năm 2023 đã theo phương án thứ hai, tức là thừa nhận NTD bao gồm cả cá nhân, cơ quan, tổ chức và bổ sung cụm từ “không vì mục đích thương mại”, tuy nhiên, khái niệm này nếu được tách ra quy định riêng (như đã phân tích ở trên) thì việc hiểu và vận dụng để xác định NTD (bên bị thiệt hại) là cá nhân hay tổ chức sẽ dễ dàng và thuận tiện hơn.

5.2.2. Người thừa kế

Theo pháp luật hiện hành, khi NTD bị thiệt hại về tính mạng do HHKBĐCL gây ra mà việc BTTH vẫn chưa được thực hiện thì những người thừa kế của NTD có quyền thừa kế đối với quyền yêu cầu BTTH và có quyền đòi BTTH theo quy định của Điều 614 BLDS năm 2015, theo đó, kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

5.2.3. Người khác có liên quan

Từ những phân tích ở trên, học hỏi kinh nghiệm của pháp luật Anh, Hoa Kỳ, Thái Lan... văn bản hướng dẫn áp dụng quy định tại Điều 608 BLDS năm 2015 hay án lệ nên ghi nhận bổ sung thêm những “người khác có liên quan” (như người xung quanh hay

¹⁵ Đinh Trung Tụng (chủ biên) (2021), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015 (quyển 2)*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 312.

¹⁶ Alexandra E. Douga (2010), “Insurance Law between Business Law and Consumer Law”, *RHDI*, (63), tr. 264.

người ngoài cuộc) bị thiệt hại do HHKBĐCL gây ra. Điều này sẽ bao quát được chủ thể bị thiệt hại do HHKBĐCL gây ra và bảo vệ quyền lợi chính đáng của những người khác có liên quan bị thiệt hại trong trường hợp này. Về vấn đề này, có tác giả đã nêu: “cần phải bảo vệ lợi ích của những người xung quanh hay người ngoài cuộc bằng cách tạo ra một quy tắc chung của luật BTTH ngoài hợp đồng công nhận rõ ràng quyền được bảo vệ trong trường hợp thiệt hại do sản phẩm bị khuyết tật”¹⁷. Riêng với quy định tại Điều 61 và Điều 62 Luật CLSPHH năm 2007, như đã nêu ở những phần trước, quy định về BTTH do HHKBĐCL gây ra nói chung và chủ thể bồi thường nói riêng trong Luật CLSPHH năm 2007 là chưa đầy đủ, có những nội dung trùng với quy định của BLDS, do đó, các quy định này nên được ghi nhận một cách đầy đủ hơn hoặc chỉ dẫn áp dụng quy định trong BLDS năm 2015 và có sự sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, kể cả nội dung liên quan đến chủ thể như trên.

5.3. Chủ thể có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra

5.3.1. Bên bị thiệt hại

Từ thực tiễn áp dụng pháp luật cho thấy, NTD khởi kiện đòi BTTH do HHKBĐCL gây ra chủ yếu là các cá nhân NTD. Đối với những trường hợp nhiều NTD bị thiệt hại thì cũng chưa biết cách yêu cầu khởi kiện tập thể để bảo vệ quyền lợi của mình, chưa biết đến vai trò của các TCXH như Hội BVQLNTD, Hội Tiêu chuẩn và bảo vệ NTD... Đồng thời, “so với nhiều quốc gia phát triển, tỷ lệ NTD thực phẩm Việt Nam khởi kiện tại Tòa án là rất thấp”¹⁸. Vì vậy, quyền được BTTH của NTD vẫn chưa được đảm bảo. Do đó, việc tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm giúp cho NTD có kiến thức để chủ động nhận diện vi phạm, nhận thức được quyền lợi hợp pháp của mình để có thể tự mình bảo vệ hoặc yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền lợi khi bị xâm phạm cũng là giải pháp cần được chú trọng và thực thi hiệu quả. Ví dụ: Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần tăng cường kiểm tra, phát hiện và công bố vi phạm công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên không gian mạng; thường xuyên tổ chức các hội thảo, hội nghị, các buổi nói chuyện chuyên đề nhằm phổ biến pháp luật về BVQLNTD; kịp thời cảnh báo, cung cấp kiến thức cho NTD khi xuất hiện những hành vi vi phạm tinh vi trên không gian mạng và trong các giao dịch xuyên biên giới... Có như vậy, NTD mới có thể tự nhận diện vi phạm, chủ động tự bảo vệ hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ. Ngoài trường hợp NTD có quyền yêu cầu BTTH thì những người thừa kế của NTD (trong trường hợp tính mạng của NTD bị xâm phạm) cũng có quyền yêu cầu BTTH (như đã phân tích ở phần trên). Bên cạnh đó, khi bên bị thiệt hại không thể trực tiếp yêu cầu BTTH thì có thể thông qua người đại diện để thực

¹⁷ Richard J. Hunter Jr. – John H. Shannon – Henry J. Amoroso (2016), “Compensation for bystander injuries in strict products liability: Why It is important to afford bystanders with more protection than consumers or users of products”, *Advances in Social Sciences Research Journal*, Vol.3, No.10, tr. 8.

¹⁸ Huỳnh Quang Thuận – Nguyễn Phương Thảo (2016), “Đảm bảo quyền của người tiêu dùng thực phẩm”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 14, tr. 30.

hiện quyền của mình.

5.3.2. Đại diện bên bị thiệt hại

Theo pháp luật hiện hành, Luật BVQLNTD năm 2010 và BLDS năm 2015 quy định chủ thể bị thiệt hại trước tiên là NTD có quyền yêu cầu BTTH. Ngoài ra, Luật BVQLNTD năm 2010 có quy định riêng về chủ thể có quyền yêu cầu BTTH tại Tòa án là ngoài NTD còn có TCXH tham gia BVQLNTD theo quy định của Luật BVQLNTD (khoản 1 Điều 41). Đồng thời, điểm b khoản 1 Điều 28 Luật BVQLNTD năm 2010 quy định TCXH có quyền đại diện NTD khởi kiện hoặc tự mình khởi kiện vì lợi ích công cộng. Luật BVQLNTD năm 2023 quy định chi tiết hơn, theo đó, TCXH có quyền đại diện NTD khởi kiện khi có yêu cầu và ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc tự mình khởi kiện vụ án dân sự về BVQLNTD vì lợi ích công cộng. Với quy định này, TCXH sẽ nhận thức rõ vai trò đại diện của mình và về phía NTD cũng biết rõ quyền của mình để tiến hành yêu cầu và ủy quyền cho TCXH tiến hành khởi kiện, tránh mất nhiều thời gian, công sức và đạt được hiệu quả cao hơn.

Ngoài ra, theo quy định chung của BLDS năm 2015, trường hợp bên bị thiệt hại (NTD) không thể tự mình yêu cầu BTTH (do chưa đủ điều kiện luật định về năng lực chủ thể, vì những lý do khác...) thì có thể áp dụng các quy định chung về đại diện theo pháp luật hay đại diện theo ủy quyền để thực hiện yêu cầu BTTH theo đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, ngoài chủ thể có quyền yêu cầu bồi thường nêu trên, theo Luật BVQLNTD năm 2010, chủ thể có quyền yêu cầu bồi thường để bảo vệ quyền lợi cho NTD là TCXH khi có yêu cầu hoặc tự mình khởi kiện vì lợi ích công cộng. Hiện nay, ở Việt Nam, các TCXH bảo vệ NTD có thể kể đến là Hội Bảo vệ NTD tại các địa phương, Hội Bảo vệ NTD Việt Nam (Vicopro)... (Việt Nam đã có mạng lưới 56 Hội Bảo vệ NTD, trong đó, 01 Hội Vicopro hoạt động trên phạm vi cả nước và 55 Hội tại 55 tỉnh, thành phố trên cả nước)¹⁹. “Khi có nhiều tổ chức cùng tham gia BVQLNTD và có hệ thống TCXH tham gia BVQLNTD hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả đồng nghĩa với số lượng các vi phạm quyền lợi NTD giảm xuống, tỷ lệ giải quyết vụ việc vi phạm quyền lợi NTD tăng lên...”²⁰.

¹⁹ Bộ Công thương (2022), “Báo cáo số 156/BC – BCT ngày 19/09/2022 về Tổng kết thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và văn bản hướng dẫn”, http://vcca.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&category_id=e0904ba0-4694-4595-9f66-dc2df621842a&id=96abbcf-d-1050-4571-af0b-0bb91f432ada, truy cập ngày 06/02/2023.

²⁰ Bộ Công thương (2022), “Báo cáo số 128/BC – BCT ngày 29/07/2022 về Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi)”, http://vcca.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&category_id=e0904ba0-4694-4595-9f66-dc2df621842a&id=96abbcf-d-1050-4571-af0b-0bb91f432ada, truy cập ngày 06/02/2023.

KẾT LUẬN

Pháp luật về BTTH cho NTD ở Việt Nam hiện nay nhìn chung đã tương đối đầy đủ và đang phát huy vai trò bảo vệ quyền lợi hợp pháp (quyền được BTTH) cho NTD. Tuy nhiên, việc bảo vệ quyền được BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD còn chưa hiệu quả, quyền lợi của NTD vẫn còn bị xâm phạm nhiều và NTD thực sự đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức về CLHH. Qua quá trình nghiên cứu cho thấy: hệ thống pháp luật về BTTH cho NTD hiện nay còn rải rác, nhiều quy định còn chồng chéo, mâu thuẫn và một số quy định còn thiếu nên việc BVQLNTD chưa đạt được hiệu quả. Do đó, để BVQLNTD và chủ thể khác có liên quan bị thiệt hại một cách tốt hơn thì pháp luật về BTTH cần được hoàn thiện bằng cách sửa đổi, hướng dẫn làm rõ những quy định chưa rõ ràng, mâu thuẫn và bổ sung những quy định còn thiếu sót. Với các câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu đề ra, Luận án đã đạt được những kết quả sau:

Một là, Luận án đã hệ thống hóa và phân tích, tổng hợp tình hình nghiên cứu trong nước và nước ngoài về Đề tài và rút ra nhận xét, đánh giá. Theo đó, các công trình nghiên cứu một cách tổng thể trên thế giới cũng không nhiều mặc dù xuất hiện từ rất sớm và ở Việt Nam thì khá ít và chủ yếu là những công trình mang tính chất chung về quan hệ tiêu dùng, pháp luật BVQLNTD nói chung. Đồng thời, ít có những công trình chỉ tập trung nghiên cứu về các vấn đề pháp lý và thực tiễn liên quan đến Đề tài, đặc biệt là thực tiễn giải quyết tranh chấp về bồi thường cho NTD tại Tòa án trong thời gian gần đây, nhiều đề tài được thực hiện trước khi BLDS năm 2015 có hiệu lực và một số đề tài còn được thực hiện khi chưa ban hành Luật BVQLNTD năm 2010. Do đó, dựa trên những công trình nghiên cứu có liên quan đến Đề tài, tác giả đã kế thừa có chọn lọc và tìm hiểu, bổ sung những điểm còn thiếu và đưa ra những quan điểm khoa học riêng của mình góp phần hoàn thiện pháp luật về các vấn đề như: khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc của trách nhiệm BTTH, các ĐKPS, xác định thiệt hại được bồi thường, BTTH vì lợi ích công cộng, BTTH mang tính “trừng phạt”, chủ thể trong quan hệ BTTH.

Hai là, Luận án đã được nghiên cứu dựa trên bốn lý thuyết cơ bản là lý thuyết về thông tin bất cân xứng, lý thuyết về TNNN, lý thuyết nhân quyền và lý thuyết thực hành kinh doanh có trách nhiệm và bảo vệ NTD. Đây là bốn cơ sở lý thuyết quan trọng giúp tác giả luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến Luận án, giúp tác giả có thêm kiến thức về cơ sở lý luận của Đề tài.

Ba là, Luận án đã phân tích khái niệm hàng hóa, HHKBĐCL, so sánh với HHCKT, trách nhiệm BTTH... nhằm làm rõ nội hàm của các khái niệm trên. Kết quả nghiên cứu nội dung này là tác giả đã đưa ra sự so sánh giữa khái niệm HHKBĐCL và HHCKT, theo đó, hai khái niệm này có sự giao thoa với nhau, quan hệ mật thiết với nhau và HHKBĐCL có phạm vi rộng hơn. Đồng thời, tác giả đã đề xuất cách hiểu thống nhất cho khái niệm HHKBĐCL trong BLDS theo nghĩa rộng là “*hàng hóa không tuân thủ tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hay có khuyết tật phát sinh*”

trong quá trình sản xuất, chế biến, vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng”. Luận án cũng phân tích quy định về BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD trên cơ sở so sánh với pháp luật nước ngoài để có góc nhìn tổng thể, toàn diện hơn và đề xuất cách hiểu về khái niệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD đó là “*một trong những biện pháp chế tài về mặt dân sự đối với nhà SXKD nhằm khắc phục những thiệt hại gây ra cho NTD hoặc chủ thể khác có liên quan bởi hàng hóa không tuân thủ tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hay có khuyết tật mà họ đã cung cấp cho NTD*”.

Bốn là, trên cơ sở phân tích so sánh từ pháp luật trong nước đến pháp luật nước ngoài và các tình huống thực tiễn có liên quan, Luận án đã làm rõ các đặc điểm quan trọng của trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD giúp phân biệt trách nhiệm này với các loại trách nhiệm BTTH khác, đó là trách nhiệm BTTH phát sinh không phụ thuộc vào ràng buộc hợp đồng giữa các bên, là trách nhiệm không cần yếu tố lỗi, trách nhiệm có đặc thù về ĐKPS và là trách nhiệm có đặc trưng riêng về cơ sở pháp lý, thủ tục giải quyết, cơ chế bảo vệ. Riêng đặc trưng về vấn đề thời hiệu, tác giả đã nghiên cứu nhưng không có điều kiện đưa vào Luận án nên đã thể hiện ở phần các công trình nghiên cứu đã công bố. Với các đặc điểm này, việc nhận diện trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD sẽ dễ dàng hơn và thể hiện sự coi trọng, quan tâm đến quyền lợi của NTD không chỉ ở Việt Nam mà cả ở các quốc gia khác. Theo đó, hầu như các quốc gia đều có cơ sở pháp lý riêng cũng như thừa nhận những yếu tố đặc thù trong việc BVQLNTD, bên yếu thế trong quan hệ với nhà SXKD.

Năm là, trên cơ sở những nguyên tắc chung về BTTH ngoài hợp đồng như: nguyên tắc bồi thường toàn bộ và kịp thời; nguyên tắc miễn, giảm trách nhiệm BTTH, Luận án phân tích về những điểm đặc thù trong việc áp dụng cho trách nhiệm BTTH cho NTD do HHKBĐCL gây ra, từ đó, nêu ra một số ý kiến về việc giải quyết mối quan hệ giữa quy định miễn trách nhiệm BTTH trong Luật BVQLNTD, Luật CLSPHH và BLDS theo hướng ghi nhận thống nhất hơn trong luật chuyên ngành là Luật CLSPHH và Luật BVQLNTD, trường hợp không có quy định thì áp dụng quy định chung trong BLDS. Những quy định về miễn, giảm trách nhiệm hiện nay còn rời rạc, chưa thống nhất sẽ là rào cản cho NTD trong việc đòi BTTH, khiến các chủ thể lợi dụng các quy định miễn, giảm trách nhiệm để trốn tránh nghĩa vụ bồi thường.

Sáu là, Luận án đã phân tích về ba ĐKPS trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD. Với điều kiện “*có việc HHKBĐCL gây thiệt hại*”, Luận án làm rõ việc HHKBĐCL gây thiệt hại là trái pháp luật, còn với điều kiện “*có thiệt hại thực tế xảy ra cho NTD*” thì do pháp luật quy định còn chông chéo, chưa rõ ràng nên Luận án có một số đề xuất như: quy định về thiệt hại được bồi thường trong Luật CLSPHH (Điều 60) nên được sửa đổi, bổ sung cho đầy đủ hoặc nên bổ sung quy định chỉ dẫn áp dụng BLDS vì quy định này vừa trùng lặp vừa thiếu so với quy định trong BLDS, bổ sung quy định về thiệt hại trong Điều 23 Luật BVQLNTD năm 2010 theo hướng ghi nhận rõ thiệt hại về tài sản (không gồm chính HHCKT), thống nhất cách hiểu khi giải quyết tranh chấp

đó là: thiệt hại về chính HHKBĐCL thì giải quyết theo hướng BTTH trong hợp đồng, thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản (khác với HHKBĐCL)... thì áp dụng quy định về trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng... Những giải pháp này giúp các chủ thể áp dụng pháp luật sẽ thuận lợi hơn trong việc xác định các ĐKPS trách nhiệm bồi thường, tránh các quan điểm và cách hiểu khác nhau trong quá trình áp dụng pháp luật.

Bảy là, sau khi phân tích về lý luận và thực tiễn, để thuận tiện trong việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa việc HHKBĐCL gây thiệt hại với thiệt hại thực tế xảy ra, Luận án cũng đề xuất nên có quy định riêng về ĐKPS trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD theo hướng quy định ba ĐKPS một cách rõ ràng là: có việc HHKBĐCL gây thiệt hại, có thiệt hại thực tế xảy ra cho NTD và có mối quan hệ nhân quả giữa việc HHKBĐCL gây thiệt hại với thiệt hại thực tế xảy ra cho NTD.

Tám là, về yếu tố lỗi, mặc dù không là ĐKPS trách nhiệm BTTH do HHKBĐCL gây ra cho NTD nhưng quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng hiện nay còn nhiều vướng mắc, nhiều cách hiểu và vận dụng khác nhau. Do đó, sau khi phân tích từ lý luận đến thực tiễn áp dụng, so sánh với pháp luật nước ngoài, Luận án rút ra đề xuất phù hợp cho pháp luật Việt Nam về vấn đề lỗi, đặc biệt là đề xuất cách hiểu về lỗi theo hướng là “sự quan tâm, chu đáo của chủ thể đối với việc thực hiện nghĩa vụ của mình”, tiếp tục duy trì quy định về trách nhiệm bồi thường không cần lỗi (TNNN) và sửa đổi, bổ sung các quy định khác cho thống nhất.

Chín là, trên cơ sở phân tích về quy định pháp luật, thực tiễn cũng như so sánh với pháp luật nước ngoài, tác giả đã nhận thấy các quy định về xác định thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe... của NTD hiện nay còn những bất cập, thiếu sót và cần được hoàn thiện. Việc xác định thiệt hại được bồi thường cho NTD hiện nay vẫn chưa bảo vệ được một cách hiệu quả quyền lợi của NTD, nhiều NTD bị thiệt hại vẫn chưa thể khởi kiện để bảo vệ chính mình do khó khăn trong việc chứng minh thiệt hại. Với thiệt hại về tài sản thì vấn đề BTTH về tinh thần chưa được đặt ra nên tác giả đã đề xuất cần có sự bổ sung, hướng dẫn kèm những tiêu chí nhất định khi thiệt hại về tài sản là “nghiêm trọng”. Điều này giúp hoàn thiện pháp luật và quyền được BTTH của NTD được đảm bảo hơn.

Mười là, về thiệt hại đối với tính mạng, sức khỏe của NTD, sau khi phân tích quy định pháp luật, thực tiễn áp dụng tại Việt Nam và nước ngoài, để NTD bị thiệt hại có được nhiều cơ hội khởi kiện yêu cầu bồi thường, khắc phục tình trạng khó khăn trong chứng minh thiệt hại hiện nay, đặc biệt là trường hợp thiệt hại chắc chắn xảy ra trong tương lai, tác giả đã đề xuất một số ý kiến như: cần chấp nhận BTTH về sức khỏe của NTD chắc chắn xảy ra trong tương lai dựa trên những tính toán khoa học; cần chấp nhận BTTH về tinh thần cho NTD bị thiệt hại mà không kèm với thiệt hại về thể chất (tính mạng, sức khỏe); đề xuất xây dựng tiêu chí để xác định mức bồi thường tổn thất về tinh thần và cần áp dụng thống nhất quy định của pháp luật trong việc xác định thiệt hại, tránh quy định thiếu sót về các thiệt hại khác và tránh sự chồng chéo trong các VBPL (giải quyết mối quan hệ giữa Luật BVQLNTD, Luật CLSPHH và BLDS).

Mười một là, về một số trường hợp đặc biệt của trách nhiệm BTTH như BTTH vì lợi ích công cộng và BTTH mang tính “trùng phạt”, trên cơ sở nghiên cứu so sánh với pháp luật và thực tiễn ở nước ngoài, theo đó, một số nước có ghi nhận về BTTH vì lợi ích công cộng như Trung Quốc, Ấn Độ... và quy định này đang dần phát huy hiệu quả trong thực tiễn ở các nước này, với BTTH mang tính “trùng phạt” thì nhiều nước áp dụng như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Thái Lan, Đài Loan... và đạt được những hiệu quả nhất định. Vì vậy, nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi của số lượng lớn NTD hay toàn bộ NTD bị thiệt hại trong xã hội (lợi ích công cộng) hoặc một số NTD bị thiệt hại cụ thể, tác giả đề xuất: cần có hướng dẫn đối với quy định về BTTH vì lợi ích công cộng về khái niệm, điều kiện áp dụng, mức bồi thường...; cần bổ sung vào BLDS vấn đề BTTH mang tính “trùng phạt” và hướng dẫn rõ về điều kiện áp dụng cũng như mức bồi thường theo hướng quy định “không quá hai lần mức thiệt hại thực tế được bồi thường”.

Mười hai là, trên cơ sở nghiên cứu pháp luật Việt Nam và nước ngoài cũng như thực tiễn áp dụng, tác giả đã phân tích rõ ràng về chủ thể có trách nhiệm bồi thường, chủ thể được bồi thường và chủ thể có quyền yêu cầu bồi thường. Theo đó, pháp luật Việt Nam quy định về chủ thể có trách nhiệm bồi thường trong nhiều văn bản và có sự mâu thuẫn, chông chéo. Riêng quy định về chủ thể có trách nhiệm BTTH trong Luật BVQLNTD năm 2010 và năm 2023 thì tương thích nhất định với pháp luật một số nước khác, tuy nhiên, vẫn chưa thống nhất với Luật CLSPHH và BLDS. Điều này xuất phát từ phạm vi điều chỉnh về vấn đề này của các luật cũng có điểm vừa giao thoa, vừa khác nhau nhất định. Do đó, tác giả đã có một số đề xuất là ưu tiên áp dụng Luật BVQLNTD để xác định chủ thể có trách nhiệm BTTH và sau đó là BLDS để đảm bảo sự thống nhất, bổ sung và ghi nhận chính thức về trách nhiệm liên đới, giải thích một số quy định chưa thống nhất trong các văn bản về chủ thể này...

Mười ba là, về chủ thể được BTTH, Luận án đã phân tích và có sự so sánh với pháp luật nước ngoài cũng như thực tiễn. Qua đó, bên bị thiệt hại là NTD thì theo pháp luật một số nước ghi nhận bao gồm cả tổ chức, một số nước chỉ quy định là cá nhân. Tuy nhiên, với mục đích chính là bảo vệ tốt hơn quyền lợi NTD nên tác giả đồng ý với hướng quy định theo nghĩa rộng là bao gồm cả cơ quan, tổ chức của Luật BVQLNTD năm 2023. Đồng thời, tác giả cũng đưa ra cách quy định phù hợp hơn là tách định nghĩa NTD là cá nhân và tổ chức thành hai quy định riêng. Bên cạnh đó, qua nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài, tác giả đề xuất bổ sung về “người khác có liên quan” bị thiệt hại là người xung quanh hay người ngoài cuộc (bystanders) theo hướng ghi nhận thành án lệ hoặc hướng dẫn để áp dụng nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi của bên bị thiệt hại.

Mười bốn là, trên cơ sở phân tích và phản ánh những bất cập trong pháp luật và thực tiễn áp dụng quy định về chủ thể có quyền yêu cầu bồi thường, đặc biệt là TCXH BVQLNTD, tác giả đã có đề xuất về phát huy vai trò của TCXH trong việc khởi kiện tập thể BVQLNTD, tránh việc NTD khởi kiện riêng lẻ, tiêu tốn thời gian, công sức và tiền bạc nhưng không đạt hiệu quả. Qua đó, quyền lợi của NTD sẽ được bảo vệ tốt hơn.

NHỮNG CÔNG TRÌNH TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG LUẬN ÁN

1. Lê Thị Hồng Vân (2023), “Quy định về thiệt hại được bồi thường do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra cho người tiêu dùng”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam*, số 01 (161).
2. Lê Thị Hồng Vân (2021), "Một số bất cập trong quy định về thời hiệu khởi kiện đòi bồi thường do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây thiệt hại cho người tiêu dùng và kiến nghị hoàn thiện", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 14. (đồng tác giả)
3. Lê Thị Hồng Vân (2020), "Lỗi trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây ra cho người tiêu dùng", *Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam*, số 07 (137).
4. Lê Thị Hồng Vân (2020), "Bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền lợi người tiêu dùng – Quan hệ giữa Bộ luật Dân sự năm 2015 và các luật khác", *Kỷ yếu hội thảo Quốc tế - Bộ luật Dân sự mới của Việt Nam – Góc nhìn Pháp – Việt (Grimaldi - Đỗ Văn Đại (chủ biên))*, NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.
5. Lê Thị Hồng Vân (2018), “Bàn về quy định “người tiêu dùng là tổ chức” theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 03 (115).
6. Lê Thị Hồng Vân (2016), “Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do thực phẩm không an toàn gây ra cho người tiêu dùng”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, số 09 (103).